

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 137/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 10-5-2018

V/v “*Không công nhận quan hệ vợ
chồng; tranh chấp về nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa Phên tòa: Bà Ngô Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Huỳnh Thị Thanh Tuyền

+ Bà Mai Thị Thu Hà

- Thư ký Phên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Ngày 10 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 401/2017/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2017 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Ngô Thị Hồng Ph ; sinh năm: 1972 (có mặt)

Địa chỉ: tổ 41, ấp Phú H 1, xã Bình H, huyện Châu Th, tỉnh An G

2. *Bị đơn:* Ông Lê Văn L, sinh năm: 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 23, ấp Hòa L 2, xã Vĩnh L, huyện Châu Th, tỉnh An G

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện, tờ tự khai cùng ngày 06/11/2017 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn Nguyễn Thị Hồng Ph trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông L được gia đình hai bên mai mối, có tổ chức đám cưới và chung sống như vợ chồng từ năm 2002 cho đến nay bà và ông L vẫn không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Cuộc sống vợ chồng sau khi cưới có hạnh phúc được 02 năm thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do ông L có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, không quan tâm chăm sóc gia đình; Bà phải chịu nhiều áp lực từ cuộc sống bên ngoài và trong gia đình; Vợ chồng thường hay cự cãi nhau không hạnh phúc. Từ tháng 4 năm 2015 giữa bà và ông L ly thân nhau cho đến nay. Trong khoảng thời gian này

cả hai không ai có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, nay bà không còn tình cảm với ông L. Bà yêu cầu ly hôn với ông L

- Về quan hệ con chung: Bà và ông L có 02 con chung cháu Ngô Kim S, sinh ngày 22/5/2003 (cháu S lấy họ bà) và cháu Lê Đức Q, sinh ngày 17/11/2005. Hiện các con chung đang do bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, khi ly hôn bà đồng ý tiếp tục nuôi các con chung, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không có

*** Bị đơn ông Lê Văn L trình bày tại bản tự khai ngày 23/3/2018:**

- Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất với lời trình bày của bà Ph về hôn nhân và điều kiện kết hôn; Giữa ông và bà Ph chung sống với nhau từ năm 2002 cho đến nay vẫn không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Vợ chồng ly thân nhau từ tháng 4 năm 2015 cho đến nay, trước yêu cầu ly hôn của bà Ph ông đồng ý ly hôn

- Về quan hệ con chung: Có 02 con chung cháu Ngô Kim S, sinh ngày 22/5/2003 (cháu S lấy họ bà L) và cháu Lê Đức Q, sinh ngày 17/11/2005. Hiện các con chung đang do bà Ph trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Khi ly hôn ông đồng ý giao các con chung cho bà Ph tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng nuôi các con chung, ông không cấp dưỡng nuôi con chung

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không có

*** Tại Phên tòa:**

- Nguyên đơn: Vẫn giữ yêu cầu khởi kiện

- Bị đơn: Có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 23/3/2018

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại Phên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại Phên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1 Về quan hệ tranh chấp: Bà Ngô Thị Hồng Ph có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Châu Thành giải quyết về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; Tuy nhiên, giữa bà Ph và ông L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2002 đến nay vẫn không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật; Do đó, yêu cầu “Ly hôn” của nguyên đơn là không đúng theo quy định pháp luật. Đối với yêu cầu này hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp hôn nhân giữa bà Ph và ông L là “Tranh chấp khác về hôn nhân và gia đình” được quy định tại khoản 8 Điều 28 BLTTDS 2015.

1.2 Về thẩm quyền giải quyết: Ông Lê Văn L có nơi cư trú tại tổ 23, ấp Hòa L 1, xã Vĩnh L, huyện Châu Th, tỉnh An G. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

1.3 Về sự có mặt của đương sự: Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 23/3/2018 bị đơn ông L có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ

vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về hôn nhân: Căn cứ đơn xác nhận tình trạng hôn nhân giữa bà Ph với ông L ngày 09/11/2017 tại UBND xã Vĩnh L, huyện Châu Th, An G và đơn ngày 08/11/2017 tại UBND xã Bình H, huyện Châu Th, An Gi đều xác nhận bà Ph và ông L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2002 cho đến nay vẫn không tiến hành làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó, hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 131 Luật hôn nhân gia đình 2014 quan hệ hôn nhân giữa bà Ph và ông L chịu sự điều chỉnh của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Đồng thời, Hội đồng xét xử không xem xét mâu thuẫn trong hôn nhân, áp dụng khoản 1 Điều 11, Điều 87 Luật hôn nhân gia đình năm 2000 cũng phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận bà Ph và ông L là vợ chồng

2.2 Về con chung: Bà Ph và ông L có 02 con chung cháu Ngô Kim S, sinh ngày 22/5/2003 và cháu Lê Đức Q, sinh ngày 17/11/2005. Riêng cháu Ngô Kim S, sinh ngày 22/5/2003 cháu S lấy họ mẹ là bà Ngô Thị Hồng Ph; Phù hợp với lời trình bày của bị đơn ông Lê Văn L tại bản tự khai ngày 23/3/2018; Đồng thời phù hợp quy định pháp luật tại Điều 21 Luật hôn nhân gia đình năm 2000, Điều 88 Luật hôn nhân gia đình 2014 con sinh ra trong thời kỳ hôn nhân là con chung vợ chồng

Hiện các con chung đang do bà Ph trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, bà Ph yêu cầu được tiếp tục nuôi các con chung, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi các con chung. Ông L đồng ý giao các con chung cho bà Ph tiếp tục nuôi dưỡng; Phù hợp với văn bản ý kiến của cháu Q và cháu S ngày 19/01/2018 các cháu cũng có nguyện vọng sống với bà Ph. Do đó, yêu cầu của bà Ph phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 17; Điều 92, Điều 93, Điều 94 Luật hôn nhân gia đình năm 2000; Các Điều 15, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên được HĐXX xem xét chấp nhận. Đồng thời, bà Ph phải tạo điều kiện cho ông được L thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con chung không ai được cản trở. Ông L không cấp dưỡng nuôi các con, do bà Ph không yêu cầu. Việc nuôi con không cố định

2.3 Về tài sản chung và nợ chung: không có

[3] Về án phí sơ thẩm:

Bà Ph là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

[4] Quyền kháng cáo:

Bà Ph và ông L được quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Khoản 1 Điều 11; khoản 2 Điều 17; Các Điều 87, 92, 93, 94 Luật hôn nhân gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 14; Điều 15, khoản 2 Điều 53 và các Điều 58, 81, 82, 83, 84; khoản 1 Điều 131 Luật nhân gia đình năm 2014

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Hồng Ph.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Ngô Thị Hồng Ph và ông Lê Văn L là vợ chồng

- Về nuôi con chung: Bà Ngô Thị Hồng Ph được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung cháu Ngô Kim S, sinh ngày 22/5/2003 (cháu S lấy họ bà) và cháu Lê Đức Q, sinh ngày 17/11/2005.

Ông Lê Văn L không phải cấp dưỡng nuôi các con chung do bà Ph không có yêu cầu.

Đồng thời bà Ph phải tạo điều kiện cho ông L được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con chung; không ai được cản trở. Việc nuôi con không cố định

- Về tài sản chung và nợ chung: không có

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Hồng Ph phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003149 ngày 27/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

3. Quyền kháng cáo: Bà Ngô Thị Hồng Ph có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 10/5/2018). Riêng ông Lê Văn L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện
Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHÂN TOÀ**

Ngô Thùy Trang